

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP THÁNG 10/2025

HỌC KÌ: 1

NĂM HỌC: 2025 - 2026

(Kèm theo QĐ số: /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6=(3+4+5)	G
1	DTS255D140201190	Vân Nhật Hào	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,75			1.750.000		1.750.000	
2	DTS255D140201120	Tráng Thuỳ Dung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,58			1.750.000		1.750.000	
3	DTS255D140201419	Lê Thị Hà My	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,58			1.750.000		1.750.000	
4	DTS255D140201595	Lê Thị Sự	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,58			1.750.000		1.750.000	
5	DTS255D140201617	Phạm Thị Hồng Tươi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,58			1.750.000		1.750.000	
6	DTS255D140201539	Đỗ Thị Lan Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,5			1.750.000		1.750.000	
7	DTS255D140201671	Nguyễn Phương Thùy	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,5			1.750.000		1.750.000	
8	DTS255D140201005	Bùi Thị Mai Anh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	8,42			1.750.000		1.750.000	
9	DTS255D140201300	Nguyễn Bảo Khuyên	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,42			1.750.000		1.750.000	
10	DTS255D140201420	Trần Trà My	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,42			1.750.000		1.750.000	
11	DTS255D140201707	Trương Thị Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	8,42			1.750.000		1.750.000	
12	DTS255D140201708	Nguyễn Thu Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,42			1.750.000		1.750.000	
13	DTS255D140201055	Nguyễn Ngọc Bích	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,33			1.750.000		1.750.000	
14	DTS255D140201103	Ma Thị Bích Diễm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,33			1.750.000		1.750.000	
15	DTS255D140201324	Hà Thị Khánh Lê	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,33			1.750.000		1.750.000	
16	DTS255D140201618	Dương Hồng Tươi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	8,33			1.750.000		1.750.000	
17	DTS255D140201621	Lê Thị Thanh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,33			1.750.000		1.750.000	
18	DTS255D140201632	Nguyễn Thị Phương Thảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,33			1.750.000		1.750.000	
19	DTS255D140201008	Nguyễn Thị Lan Anh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,25			1.750.000		1.750.000	
20	DTS255D140201058	Nguyễn Thị Thanh Bình	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,25			1.750.000		1.750.000	
21	DTS255D140201121	Trần Thị Dung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,25			1.750.000		1.750.000	
22	DTS255D140201123	Vũ Thị Thùy Dung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	8,25			1.750.000		1.750.000	
23	DTS255D140201206	Phùng Ngọc Hân	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,25			1.750.000		1.750.000	
24	DTS255D140201236	Lâm Thị Hồng	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,25			1.750.000		1.750.000	
25	DTS255D140201328	Lý Diễm Liềm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,25			1.750.000		1.750.000	
26	DTS255D140201340	Nguyễn Thùy Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,25			1.750.000		1.750.000	
27	DTS255D140201380	Trần Khánh Ly	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,25			1.750.000		1.750.000	
28	DTS255D140201538	Ma Ánh Phương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,25			1.750.000		1.750.000	
29	DTS255D140201613	Tăng Thị Tuyết	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,25			1.750.000		1.750.000	
30	DTS255D140201712	Đinh Huyền Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,25			1.750.000		1.750.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
31	DTS255D140201795	Trần Thị Hải Yến	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,25			1.750.000		1.750.000	
32	DTS255D140201039	Triệu Ngọc Ánh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	8,17			1.750.000		1.750.000	
33	DTS255D140201122	Bùi Thị Thùy Dung	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,17			1.750.000		1.750.000	
34	DTS255D140201141	Nông Thị Ánh Dương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,17			1.750.000		1.750.000	
35	DTS255D140201166	Phạm Trần Ngọc Hà	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,17			1.750.000		1.750.000	
36	DTS255D140201219	Trần Thị Mai Hoa	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,17			1.750.000		1.750.000	
37	DTS255D140201253	Đàm Thị Thu Huyền	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,17			1.750.000		1.750.000	
38	DTS255D140201320	Vương Thị Lành	GD Mầm non	GD Mầm non K60A5	8,17			1.750.000		1.750.000	
39	DTS255D140201341	Đỗ Thùy Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	8,17			1.750.000		1.750.000	
40	DTS255D140201342	Nguyễn Diệu Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,17			1.750.000		1.750.000	
41	DTS255D140201343	Nguyễn Thị Phương Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,17			1.750.000		1.750.000	
42	DTS255D140201622	Đinh Thị Phương Thanh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	8,17			1.750.000		1.750.000	
43	DTS255D140201630	Ma Thị Hương Thảo	GD Mầm non	GD Mầm non K60A6	8,17			1.750.000		1.750.000	
44	DTS255D140201706	Lữ Huyền Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,17			1.750.000		1.750.000	
45	DTS255D140201789	Vũ Thị Xiêm	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,17			1.750.000		1.750.000	
46	DTS255D140201792	Ma Thị Xuân	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,17			1.750.000		1.750.000	
47	DTS255D140201001	Nguyễn Xuân An	GD Mầm non	GD Mầm non K60A1	8,08			1.750.000		1.750.000	
48	DTS255D140201074	Trần Thị Khánh Chi	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,08			1.750.000		1.750.000	
49	DTS255D140201102	Sùng Thị Dí	GD Mầm non	GD Mầm non K60A8	8,08			1.750.000		1.750.000	
50	DTS255D140201142	Trần Thị Thùy Dương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,08			1.750.000		1.750.000	
51	DTS255D140201185	Phan Kim Hạnh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,08			1.750.000		1.750.000	
52	DTS255D140201235	Nguyễn Thu Hoàn	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,08			1.750.000		1.750.000	
53	DTS255D140201255	Mai Thị Thu Huyền	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,08			1.750.000		1.750.000	
54	DTS255D140201271	Trần Thị Mai Hương	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,08			1.750.000		1.750.000	
55	DTS255D140201306	Phan Thị Hương Lan	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,08			1.750.000		1.750.000	
56	DTS255D140201309	Lê Thị Lan	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,08			1.750.000		1.750.000	
57	DTS255D140201346	Nguyễn Thảo Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	8,08			1.750.000		1.750.000	
58	DTS255D140201347	Dương Khánh Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A3	8,08			1.750.000		1.750.000	
59	DTS255D140201395	Dương Tuyết Mai	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	8,08			1.750.000		1.750.000	
60	DTS255D140201464	Nguyễn Thị Bích Ngọc	GD Mầm non	GD Mầm non K60A2	8,08			1.750.000		1.750.000	
61	DTS255D140201580	Đặng Ngọc Như Quỳnh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,08			1.750.000		1.750.000	
62	DTS255D140201619	Lò Thị Vĩnh Tường	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,08			1.750.000		1.750.000	
63	DTS255D140201672	Nguyễn Thị Thùy	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	8,08			1.750.000		1.750.000	
64	DTS255D140201676	Hà Thị Thúy	GD Mầm non	GD Mầm non K60A7	8,08			1.750.000		1.750.000	
65	DTS255D140201722	Đặng Thùy Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A9	8,08			1.750.000		1.750.000	
66	DTS255D140201723	Nguyễn Thị Thu Trang	GD Mầm non	GD Mầm non K60A10	8,08			1.750.000		1.750.000	
67	DTS255D140201909	Nguyễn Thùy Linh	GD Mầm non	GD Mầm non K60A4	8,08			1.750.000		1.750.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
68	DTS255D140206080	Đào Ngọc Quân	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A1	8,73			1.750.000		1.750.000	
69	DTS255D140206020	Dương Anh Quốc Đạt	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A1	8,63			1.750.000		1.750.000	
70	DTS255D140206002	Đỗ Thị Châu Anh	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A2	8,58			1.750.000		1.750.000	
71	DTS255D140206009	Phạm Linh Chi	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A2	8,48			1.750.000		1.750.000	
72	DTS255D140206021	Nguyễn Hải Đăng	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A2	8,47			1.750.000		1.750.000	
73	DTS255D140206058	Đinh Hà Lộc	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A1	8,43			1.750.000		1.750.000	
74	DTS255D810302039	Đào Công Vinh	Thẻ dục Thể thao	Huấn luyện thể thao K60	8,43			1.750.000		1.750.000	
75	DTS255D140206011	Hà Quang Dũng	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A1	8,42			1.750.000		1.750.000	
76	DTS255D140206078	Nguyễn Hoàng Phúc	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A1	8,4			1.750.000		1.750.000	
77	DTS255D140206019	Nguyễn Quang Đại	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A2	8,38			1.750.000		1.750.000	
78	DTS255D140206090	Nguyễn Đức Thành	Thẻ dục Thể thao	GD Thẻ chất K60A2	8,38			1.750.000		1.750.000	
79	DTS255D140231060	Trần Bảo Ngân	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	8,83			1.750.000		1.750.000	
80	DTS255D140231063	Nguyễn Minh Ngọc	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	8,71			1.750.000		1.750.000	
81	DTS255D140231001	Trịnh Minh Anh	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	8,58			1.750.000		1.750.000	
82	DTS255D140231005	Phạm Quỳnh Anh	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	8,58			1.750.000		1.750.000	
83	DTS255D140231097	Bùi Khánh Vân	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A3	8,51			1.750.000		1.750.000	
84	DTS255D140231051	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	8,5			1.750.000		1.750.000	
85	DTS255D140231098	Vũ Thị Hồng Vân	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	8,48			1.750.000		1.750.000	
86	DTS255D140231018	Nguyễn Hương Giang	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A1	8,42			1.750.000		1.750.000	
87	DTS255D140231024	Hồ Trung Hiếu	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	8,42			1.750.000		1.750.000	
88	DTS255D140231050	Nguyễn Hoàng Mai	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A3	8,42			1.750.000		1.750.000	
89	DTS255D140231064	Phạm Thị Thảo Ngọc	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	8,42			1.750.000		1.750.000	
90	DTS255D140231071	Trịnh Hồng Phúc	Ngoại ngữ	SP Tiếng Anh K60A2	8,42			1.750.000		1.750.000	
91	DTS255D140217118	Lê Thị Mai Phương	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,73		2.000.000			2.000.000	
92	DTS255D140217102	Nguyễn Phương Ngọc	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	9,7		2.000.000			2.000.000	
93	DTS255D140217153	Nguyễn Quỳnh Trang	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,64		2.000.000			2.000.000	
94	DTS255D140217002	Khổng Mai Anh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,62		2.000.000			2.000.000	
95	DTS255D140217083	Dương Thị Khánh Ly	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,59		2.000.000			2.000.000	
96	DTS255D140217003	Lê Phương Anh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	9,58		2.000.000			2.000.000	
97	DTS255D140217152	Nguyễn Thị Thu Trang	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	9,58		2.000.000			2.000.000	
98	DTS255D140217067	Vũ Thị Khánh Linh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	9,52		2.000.000			2.000.000	
99	DTS255D140217046	Lưu Thị Mai Hoa	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,51		2.000.000			2.000.000	
100	DTS255D140217084	Trần Thị Khánh Ly	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A3	9,5		2.000.000			2.000.000	
101	DTS255D140217176	Cù Phi Yên	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,5		2.000.000			2.000.000	
102	DTS255D140217224	Bùi Ngọc Yên	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	9,5		2.000.000			2.000.000	
103	DTS255D140217068	Vũ Diệu Linh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,48		2.000.000			2.000.000	
104	DTS255D140217041	Nguyễn Thu Hiền	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A2	9,47		2.000.000			2.000.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
105	DTS255D140217070	Nguyễn Phương Linh	Ngữ Văn	SP Ngữ văn K60A1	9,46		2.000.000			2.000.000	
106	DTS255D310403001	Nguyễn Thái An An	Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học GD K60	9,59		2.000.000			2.000.000	
107	DTS255D310403013	Nguyễn Thùy Linh	Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học GD K60	9,33		2.000.000			2.000.000	
108	DTS255D310403036	Lê Thu Trang	Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học GD K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
109	DTS255D140101017	Dương Thùy Linh	Tâm lý Giáo dục	Giáo dục học K60	9,08		2.000.000			2.000.000	
110	DTS255D310403012	Đỗ Khánh Huyền	Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học GD K60	9,08		2.000.000			2.000.000	
111	DTS255D310403023	Nguyễn Thị Phương	Tâm lý Giáo dục	Tâm lý học GD K60	9,07		2.000.000			2.000.000	
112	DTS255D140219001	Lê Thị Lan Anh	Địa lý	SP Địa lý K60A1	9,53		2.000.000			2.000.000	
113	DTS255D140219051	Nông Thị Thi	Địa lý	SP Địa lý K60A1	9,42		2.000.000			2.000.000	
114	DTS255D140249021	Trần Thùy Linh	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	9,42		2.000.000			2.000.000	
115	DTS255D140219038	Nguyễn Bảo Ngọc	Địa lý	SP Địa lý K60A2	9,38		2.000.000			2.000.000	
116	DTS255D140249043	Nguyễn Thị Mai Trang	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	9,37		2.000.000			2.000.000	
117	DTS255D140249015	Lê Thị Mỹ Hạnh	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	9,35		2.000.000			2.000.000	
118	DTS255D140249029	Vũ Nguyễn Ngọc Như	Địa lý	SP Lịch sử - Địa lý K60	9,35		2.000.000			2.000.000	
119	DTS255D140219014	Hoàng Thị Thu Gấm	Địa lý	SP Địa lý K60A2	9,33		2.000.000			2.000.000	
120	DTS255D140219046	Nguyễn Thị Phụng	Địa lý	SP Địa lý K60A1	9,33		2.000.000			2.000.000	
121	DTS255D140212006	Phạm Trần Hoàng	Hóa học	SP Hoá học K60	9,33		2.000.000			2.000.000	
122	DTS255D140212014	Nguyễn Khánh Linh	Hóa học	SP Hoá học K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
123	DTS255D140218026	Lý Thảo Ly	Lịch sử	SP Lịch sử K60	9,65		2.000.000			2.000.000	
124	DTS255D140218020	Đặng Thị Lan	Lịch sử	SP Lịch sử K60	9,5		2.000.000			2.000.000	
125	DTS255D140218041	Nguyễn Đắc Tuyền	Lịch sử	SP Lịch sử K60	9,44		2.000.000			2.000.000	
126	DTS255D140218001	Nguyễn Thị Lan Anh	Lịch sử	SP Lịch sử K60	9,43		2.000.000			2.000.000	
127	DTS255D140218052	Hoàng Khánh Vân	Lịch sử	SP Lịch sử K60	9,43		2.000.000			2.000.000	
128	DTS255D140204018	Nguyễn Thị Minh Lan	Giáo dục Chính trị	Giáo dục công dân K60	9,58		2.000.000			2.000.000	
129	DTS255D140204030	Phạm Minh Ngọc	Giáo dục Chính trị	Giáo dục công dân K60	9,25		2.000.000			2.000.000	
130	DTS255D140204001	Lương Ngọc Anh	Giáo dục Chính trị	Giáo dục công dân K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
131	DTS255D140204008	Thào Thị Dí	Giáo dục Chính trị	Giáo dục công dân K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
132	DTS255D140221017	Ngô Thị Huyền Linh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,59		2.000.000			2.000.000	
133	DTS255D140221034	Nguyễn Phương Thúy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,26		2.000.000			2.000.000	
134	DTS255D140221023	Nguyễn Lê Anh Minh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,18		2.000.000			2.000.000	
135	DTS255D140221015	Nguyễn Thiên Hương	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,13		2.000.000			2.000.000	
136	DTS255D140221025	Trần Phương Nhi	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,09		2.000.000			2.000.000	
137	DTS255D140221021	Nguyễn Thị Trang Ly	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9,08		2.000.000			2.000.000	
138	DTS255D140221040	Nguyễn Hải Yến	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	9		2.000.000			2.000.000	
139	DTS255D140221002	Tạ Quỳnh Anh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,96			1.750.000		1.750.000	
140	DTS255D140221016	Lương Ngọc Khánh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,93			1.750.000		1.750.000	
141	DTS255D140221032	Vương Bích Thủy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,92			1.750.000		1.750.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
142	DTS255D140202233	Phùng Thị Bích Hường	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,76			1.750.000		1.750.000	
143	DTS255D140221001	Hoàng Anh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,68			1.750.000		1.750.000	
144	DTS255D140202304	Nguyễn Phương Ly	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A8	8,65			1.750.000		1.750.000	
145	DTS255D140202593	Đinh Thị Thu Uyên	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,63			1.750.000		1.750.000	
146	DTS255D140221030	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,63			1.750.000		1.750.000	
147	DTS255D140202326	Tạ Huyền Mi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A1	8,58			1.750.000		1.750.000	
148	DTS255D140221003	Đỗ Mỹ Anh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,58			1.750.000		1.750.000	
149	DTS255D140221014	Nguyễn Quang Huy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,58			1.750.000		1.750.000	
150	DTS255D140202554	Lê Quỳnh Trang	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,57			1.750.000		1.750.000	
151	DTS255D140202531	Nguyễn Vũ Uyên Thư	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A2	8,56			1.750.000		1.750.000	
152	DTS255D140221033	Nông Thu Thủy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,54			1.750.000		1.750.000	
153	DTS255D140202094	Lý Ngọc Diệp	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A5	8,53			1.750.000		1.750.000	
154	DTS255D140202333	Ma Thị Hà Mơ	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A8	8,53			1.750.000		1.750.000	
155	DTS255D140202398	Bùi Phương Nhung	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A5	8,51			1.750.000		1.750.000	
156	DTS255D140202125	Trịnh Thị Diệp	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,5			1.750.000		1.750.000	
157	DTS255D140202129	Vũ Hương Giang	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A7	8,5			1.750.000		1.750.000	
158	DTS255D140202376	Nguyễn Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A3	8,5			1.750.000		1.750.000	
159	DTS255D140202417	Nguyễn Thị Hồng Phúc	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A8	8,5			1.750.000		1.750.000	
160	DTS255D140202520	Phạm Thị Hoài Thu	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A3	8,5			1.750.000		1.750.000	
161	DTS255D140221029	Lý Văn Thái	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,5			1.750.000		1.750.000	
162	DTS255D140221035	Phạm Tổ Uyên	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,5			1.750.000		1.750.000	
163	DTS255D140221036	Lưu Quang Vinh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,5			1.750.000		1.750.000	
164	DTS255D140221038	Hà Yến Vy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,5			1.750.000		1.750.000	
165	DTS255D140202074	Nguyễn Quỳnh Chi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,48			1.750.000		1.750.000	
166	DTS255D140202377	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,47			1.750.000		1.750.000	
167	DTS255D140221004	Đoàn Việt Anh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,47			1.750.000		1.750.000	
168	DTS255D140221007	Thân Văn Ngọc Duy	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,46			1.750.000		1.750.000	
169	DTS255D140221009	Hoàng Hà Giang	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,46			1.750.000		1.750.000	
170	DTS255D140202595	Dương Bảo Uyên	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,45			1.750.000		1.750.000	
171	DTS255D140202004	Đoàn Thị Kim Anh	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,43			1.750.000		1.750.000	
172	DTS255D140202262	Nguyễn Khánh Linh	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A5	8,43			1.750.000		1.750.000	
173	DTS255D140202005	Lê Lan Anh	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A6	8,42			1.750.000		1.750.000	
174	DTS255D140202111	Nguyễn Thủy Dương	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,42			1.750.000		1.750.000	
175	DTS255D140202166	Nguyễn Thu Hằng	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A6	8,42			1.750.000		1.750.000	
176	DTS255D140202265	Đặng Hà Linh	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,42			1.750.000		1.750.000	
177	DTS255D140202360	Bùi Bảo Ngọc	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A8	8,42			1.750.000		1.750.000	
178	DTS255D140202378	Phùng Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A6	8,42			1.750.000		1.750.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
179	DTS255D140202379	Nguyễn Thị Yến Nhi	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A7	8,42			1.750.000		1.750.000	
183	DTS255D140202441	Đỗ Thủy Quỳnh	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,42			1.750.000		1.750.000	
181	DTS255D140202463	Nguyễn Thị Phương Toàn	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60 định hướng CLC	8,42			1.750.000		1.750.000	
182	DTS255D140202483	Nguyễn Văn Thành	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A3	8,42			1.750.000		1.750.000	
183	DTS255D140202555	Trần Thị Kiều Trang	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A4	8,42			1.750.000		1.750.000	
184	DTS255D140202556	Nguyễn Thu Trang	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A5	8,42			1.750.000		1.750.000	
185	DTS255D140202644	Nguyễn Thị Minh Thảo	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A6	8,42			1.750.000		1.750.000	
186	DTS255D140221010	Bàn Đỗ Thu Hà	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,42			1.750.000		1.750.000	
187	DTS255D140221037	Vũ Huy Vinh	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,42			1.750.000		1.750.000	
188	DTS255D140202190	Đỗ Thanh Hoa	Giáo dục Tiểu học	GD Tiểu học K60A8	8,38			1.750.000		1.750.000	
189	DTS255D140221031	Thào A Thu	Giáo dục Tiểu học	Sư phạm Âm nhạc K60	8,38			1.750.000		1.750.000	
190	DTS255D140211023	Bùi Phương Ly	Vật lý	SP Vật lý K60	9,33		2.000.000			2.000.000	
191	DTS255D140211020	Dương Đăng Khoa	Vật lý	SP Vật lý K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
192	DTS255D140211001	Ngô Dương Hải Anh	Vật lý	SP Vật lý K60	9,17		2.000.000			2.000.000	
193	DTS255D140211030	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Vật lý	SP Vật lý K60	9,08		2.000.000			2.000.000	
194	DTS255D140211025	Nguyễn Tường Minh	Vật lý	SP Vật lý K60	9,08		2.000.000			2.000.000	
195	DTS255D140247043	Đặng Quang Nhật	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	8,8			1.750.000		1.750.000	
196	DTS255D140247036	Phạm Nguyễn Từ Ninh	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	8,48			1.750.000		1.750.000	
197	DTS255D140247035	Nguyễn Hải Nam	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,42			1.750.000		1.750.000	
198	DTS255D140213046	Bùi Yến Nhi	Sinh học	SP Sinh học K60	8,31			1.750.000		1.750.000	
199	DTS255D140247002	Hà Thẩm Vân Anh	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,24			1.750.000		1.750.000	
200	DTS255D140247016	Vũ Thị Hải	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,23			1.750.000		1.750.000	
201	DTS255D140247048	Nguyễn Thu Phương	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,22			1.750.000		1.750.000	
202	DTS255D140247014	Trần Thu Hà	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,18			1.750.000		1.750.000	
203	DTS255D140247030	Trương Quỳnh Mai	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,17			1.750.000		1.750.000	
204	DTS255D140247038	Bùi Thu Ngân	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	8,17			1.750.000		1.750.000	
205	DTS255D140247025	Nguyễn Thị Khánh Linh	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,14			1.750.000		1.750.000	
206	DTS255D140247049	Nguyễn Đỗ Quyền	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A2	8,12			1.750.000		1.750.000	
207	DTS255D140247015	Nguyễn Thị Hồng Hà	Sinh học	SP Khoa học tự nhiên K60A1	8,09			1.750.000		1.750.000	
208	DTS255D140209082	Tạ Quang Mạnh	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	9,38		2.000.000			2.000.000	
209	DTS255D140209057	Nguyễn Thị Khánh Huyền	Toán	SP Toán học K60A2	9,36		2.000.000			2.000.000	
210	DTS255D140209091	Nguyễn Thị Như Nguyệt	Toán	SP Toán học K60A1	9,35		2.000.000			2.000.000	
211	DTS255D140209130	Nguyễn Thị Thanh Xuyên	Toán	SP Toán học K60A2	9,31		2.000.000			2.000.000	
212	DTS255D140209054	Nguyễn Xuân Huy	Toán	SP Toán học K60A2	9,23		2.000.000			2.000.000	
213	DTS255D140209002	Nguyễn Hữu Anh	Toán	SP Toán học K60A1	9,21		2.000.000			2.000.000	
214	DTS255D140209111	Bê Xuân Thế	Toán	SP Toán học K60A2	9,17		2.000.000			2.000.000	
215	DTS255D140209099	Nguyễn Đức Vương Quân	Toán	SP Toán học K60A1	9,17		2.000.000			2.000.000	

STT	Mã số SV	Họ và tên	Khoa	Lớp	Điểm		Mức chi HBKK 01 tháng				Ghi chú
					TBHT	ĐRL	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Tổng	
216	DTS255D140209079	Đinh Ngọc Mai	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	9,17		2.000.000			2.000.000	
217	DTS255D140209056	Bùi Quang Huy	Toán	SP Toán học K60A2	9,17		2.000.000			2.000.000	
218	DTS255D140209067	Lý Minh Khanh	Toán	SP Toán học K60 định hướng CLC	9,17		2.000.000			2.000.000	
219	DTS255D140209029	Mai Tiến Dũng	Toán	SP Toán học K60A1	9,15		2.000.000			2.000.000	
220	DTS255D140209110	Lê Phương Thảo	Toán	SP Toán học K60A2	9,12		2.000.000			2.000.000	
221	DTS255D140209055	Trần Quang Huy	Toán	SP Toán học K60A1	9,11		2.000.000			2.000.000	
222	DTS255D140209092	Dương Thị Bích Nguyệt	Toán	SP Toán học K60A2	9,1		2.000.000			2.000.000	
223	DTS255D140209123	Phạm Đình Trục	Toán	SP Toán học K60A1	9,09		2.000.000			2.000.000	
224	DTS255D140209074	Vũ Hoàng Minh Long	Toán	SP Toán học K60A1	9,09		2.000.000			2.000.000	
TỔNG			X	X	X	X	140.000.000	269.500.000	0	409.500.000	X

Ấn định danh sách: 194 Sinh viên

Trong đó:

Mức 1: 2.000.000 đồng:	70 Sinh viên
Mức 2: 1.750.000 đồng:	154 Sinh viên
Mức 3: 1.590.000 đồng:	0 Sinh viên